

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 26/2019/HNGĐ – ST

Ngày: 19/9/2019

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Lâm Ngọc Hà

- Ông Nguyễn Văn Ngự

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Mộng Kiều – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 141/2019/TLST – HNGĐ ngày 24/6/2019; Về việc “ Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2019/QĐXX – ST ngày 29 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2019/QĐST – HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thúy N, sinh năm 1996. Đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp A, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh ST.

Đăng ký tạm trú hiện nay: Số A4/115D, tổ 4, ấp 1, xã P, huyện BC, thành phố HCM (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Sơn T, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp A, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh ST (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 6 năm 2019, các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn chị Ngô Thúy N trình bày:*

Vào năm 2010, chị với anh Sơn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng. Nhưng đến năm 2014, thì hai người đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành, huyện Châu thành, tỉnh Sóc Trăng, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66/2014 – Quyền số 01/2014 ngày 13/8/2014. Trong quá trình chung sống, chị với anh T có 02 con chung tên Sơn Nguyễn Bảo L1, sinh ngày 31/01/2012 và Sơn Nguyễn Bảo L2, sinh ngày 31/01/2012, hiện hai con đang được chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong cuộc sống gia đình thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp với nhau nên cuộc sống hôn nhân

không có hạnh phúc. Đến tháng 04 năm 2019 chị với anh T chính thức sống ly thân cho đến nay. Nay hôn nhân giữa chị với anh T không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng để tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết được ly hôn với anh Sơn T theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con cháu Sơn Nguyễn Bảo L1, sinh ngày 31/01/2012 và Sơn Nguyễn Bảo L2, sinh ngày 31/01/2012 sau khi ly hôn, không yêu cầu anh Sơn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Sơn T được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thúy N và cũng như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

** Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án, còn bị đơn chưa chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như giấy triệu tập của Tòa án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ngô Thúy N đối với anh Sơn T, cho chị Ngô Thúy N được ly hôn với anh Sơn T theo quy định của pháp luật, còn con chung hai cháu Sơn Nguyễn Bảo L1 và Sơn Nguyễn Bảo L2 giao cho chị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành sau khi ly hôn, không đặt ra xem xét đối với việc cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn anh Sơn T. Xét thấy, anh Sơn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Sơn T theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Vào năm 2010, chị Ngô Thúy N với anh Sơn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng. Đến năm 2014, thì hai người đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành, huyện Châu thành, tỉnh Sóc Trăng, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66/2014 – Quyền số 01/2014 ngày 13/8/2014. Theo chị N trình bày, do trong cuộc sống hôn nhân giữa chị N với anh T trong những năm gần đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau do bất đồng quan điểm với nhau nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và không thể tiếp tục chung sống với nhau.

Đến tháng 04 năm 2019 chị N với anh T chính thức sống ly thân cho đến nay và không hàn gắn được lại tình cảm vợ chồng, nên chị N nộp đơn xin ly hôn với anh T. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, vào năm 2010 thì chị N với anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và đến năm 2014 thì hai người đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành, huyện Châu thành, tỉnh Sóc Trăng, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66/2014 – Quyền số 01/2014 ngày 13/8/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N với anh T là hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ khi có phát sinh tranh chấp. Tuy Nên, trong những năm gần đây giữa chị N với anh T thường xuyên xảy ra cự cãi, do bất đồng quan điểm sống, theo chị N là do anh T không lo làm ăn và quan tâm đến gia đình, vợ chồng không có công việc ổn định, kinh tế gia đình Nều khó khăn, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên chị N với anh T đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T thì thấy, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn hôn nhân giữa chị N với anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài và tại phiên Tòa hôm nay chị N cương quyết xin ly hôn với anh T vì theo chị không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng được, từ khi ly thân cho đến nay giữa chị với anh T không còn quan tâm đến nhau và anh T cũng không đến thăm hai con nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thúy N đối với anh Sơn T.

[4] Về con chung: Chị N với anh T có 02 con chung tên Sơn Nguyễn Bảo L1, sinh ngày 31/01/2012 và Sơn Nguyễn Bảo L2, sinh ngày 31/01/2012. Xét thấy, hiện nay hai cháu L1 và L2 do chị N đang trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 10/7/2019 của hai cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với chị N, anh Sơn T cũng không có ý kiến gì phản đối về yêu cầu được quyền nuôi hai con sau khi ly hôn của chị N, từ khi ly thân cho đến nay anh T cũng không quan tâm, chăm sóc con chung nên yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi hai con chung sau khi ly hôn của chị N là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật Hôn nhân gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chị Ngô Thúy N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

[7] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chị Ngô Thúy N được ly hôn với anh Sơn T.

2/ Về con chung: Giao hai cháu Sơn Nguyễn Bảo L1, sinh ngày 31/01/2012 và Sơn Nguyễn Bảo L2, sinh ngày 31/01/2012 cho chị Ngô Thúy N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh Sơn T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Ngô Thúy N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006888 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, chị N đã nộp xong.

5/ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn anh Sơn T vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

6/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha